

VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP GIAO TIẾP TRONG GIẢNG DẠY KHẨU NGỮ TIẾNG TRUNG CHO SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÀO CAI

Hán Thị Huệ
Trường Cao đẳng Lào Cai
Email: hthue-cdlc@laocai.gov.vn

Tóm tắt: Trong bối cảnh nhu cầu sử dụng tiếng Trung ngày càng gia tăng tại khu vực biên giới Lào Cai, việc nâng cao năng lực giao tiếp cho sinh viên các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trở thành yêu cầu cấp thiết. Tuy nhiên, thực tế giảng dạy cho thấy sinh viên còn hạn chế về kỹ năng khẩu ngữ, thiếu tự tin khi giao tiếp và chưa có môi trường thực hành ngôn ngữ phù hợp. Bài báo này nghiên cứu việc vận dụng phương pháp giao tiếp (Communicative Language Teaching – CLT) trong giảng dạy khẩu ngữ tiếng Trung cho sinh viên Cao đẳng Lào Cai. Nghiên cứu được thực hiện thông qua thực nghiệm sư phạm trong 4 tuần, kết hợp quan sát lớp học, khảo sát bằng phiếu hỏi và so sánh kết quả trước – sau khi áp dụng phương pháp. Kết quả cho thấy phương pháp giao tiếp giúp tăng đáng kể mức độ tự tin, khả năng phản xạ ngôn ngữ và hứng thú học tập của sinh viên. Từ đó, bài báo đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy khẩu ngữ tiếng Trung theo định hướng ứng dụng và phù hợp với đặc thù đào tạo nghề tại địa phương.

Từ khóa: Phương pháp giao tiếp, khẩu ngữ tiếng Trung, sinh viên Cao đẳng, năng lực giao tiếp, CLT.

APPLYING COMMUNICATION METHODS IN TEACHING ORAL CHINESE TO FIRST-YEAR STUDENTS AT LAO CAI COLLEGE

Abstract: In the context of the increasing demand for Chinese language use in the Lao Cai border area, improving the communicative competence of students in vocational education institutions has become an urgent requirement. However, current teaching practices indicate that students still have limitations in oral skills, lack confidence in communication, and have insufficient opportunities for authentic language practice. This paper investigates the application of the Communicative Language Teaching (CLT) approach in teaching Chinese speaking skills to college students in Lao Cai. The study was conducted through a four-week pedagogical experiment, combining classroom observation, questionnaire surveys, and a comparison of pre- and post-implementation results. The findings show that the communicative approach significantly enhances students' confidence, language responsiveness, and learning motivation. Based on these results, the paper proposes several pedagogical solutions to improve the effectiveness of teaching Chinese speaking skills in an application-oriented manner that is aligned with the characteristics of vocational training in the local context.

Keywords: Communicative Language Teaching, Chinese speaking skills, vocational college students, communicative competence, CLT.

Nhận bài: 01/03/2026

Phản biện: 20/03/2026

Duyệt đăng: 24/03/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Lào Cai là tỉnh có vị trí chiến lược trong giao thương với Trung Quốc, đặc biệt trong các lĩnh vực thương mại biên giới, du lịch và dịch vụ. Điều này làm gia tăng nhu cầu sử dụng tiếng Trung trong lực lượng lao động địa phương. Do đó, các trường Cao đẳng tại Lào Cai đóng vai trò quan trọng trong việc đào tạo nguồn nhân lực có khả năng sử dụng tiếng Trung trong môi trường nghề nghiệp.

Tuy nhiên, thực tế giảng dạy cho thấy sinh viên tuy nắm được một số kiến thức về từ vựng và ngữ pháp nhưng khả năng giao tiếp còn hạn chế. Nhiều sinh viên ngại nói, sợ sai, phát âm chưa chuẩn thanh điệu và thiếu phản xạ khi giao tiếp. Nguyên nhân chủ yếu là do phương pháp giảng dạy còn thiên về truyền thụ kiến thức, ít tạo cơ hội cho người học sử dụng ngôn ngữ trong tình huống thực tế.

Phương pháp giao tiếp (CLT) được xem là hướng tiếp cận phù hợp trong giảng dạy ngoại ngữ hiện đại, nhấn mạnh việc học thông qua tương

tác và sử dụng ngôn ngữ trong ngữ cảnh. Vì vậy, nghiên cứu này nhằm vận dụng phương pháp giao tiếp vào giảng dạy khẩu ngữ tiếng Trung cho sinh viên Cao đẳng Lào Cai nhằm nâng cao hiệu quả học tập và đáp ứng nhu cầu thực tiễn.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Khái niệm phương pháp giao tiếp

Phương pháp giao tiếp (Communicative Language Teaching – CLT) là một hướng tiếp cận trong giảng dạy ngoại ngữ xuất hiện từ những năm 1970, trong bối cảnh các nhà ngôn ngữ học và giáo dục học nhận thấy rằng việc dạy học ngôn ngữ chỉ tập trung vào cấu trúc ngữ pháp và ghi nhớ từ vựng không đủ để giúp người học sử dụng ngôn ngữ một cách hiệu quả trong thực tiễn. Thay vào đó, mục tiêu cốt lõi của việc học ngoại ngữ cần hướng tới là phát triển năng lực giao tiếp (communicative competence), tức là khả năng sử dụng ngôn ngữ một cách phù hợp, linh hoạt và

hiệu quả trong các tình huống cụ thể của đời sống.

Theo quan điểm của Richards và Rodgers, phương pháp giao tiếp nhấn mạnh việc học ngôn ngữ thông qua quá trình tương tác, trong đó người học không chỉ tiếp nhận kiến thức mà còn chủ động tham gia vào các hoạt động sử dụng ngôn ngữ như trao đổi thông tin, thảo luận, giải quyết vấn đề hay thực hiện các nhiệm vụ giao tiếp. Điều này giúp người học hình thành khả năng sử dụng ngôn ngữ một cách tự nhiên, thay vì chỉ tái hiện lại các cấu trúc đã học một cách máy móc.

Một đặc điểm quan trọng của phương pháp giao tiếp là coi ngôn ngữ vừa là mục tiêu vừa là công cụ của quá trình học tập. Nghĩa là, người học không học ngôn ngữ để biết về nó, mà học để sử dụng nó trong giao tiếp thực tế. Do đó, các hoạt động giảng dạy theo phương pháp này thường được thiết kế dưới dạng các tình huống giao tiếp gần gũi với đời sống như hỏi – đáp, đóng vai, thảo luận nhóm hoặc xử lý tình huống thực tiễn.

Bên cạnh đó, phương pháp giao tiếp cũng đề cao vai trò trung tâm của người học. Trong lớp học theo định hướng CLT, giáo viên không còn là người truyền đạt kiến thức một chiều mà đóng vai trò là người tổ chức, hướng dẫn và hỗ trợ quá trình học tập. Người học được khuyến khích chủ động tham gia, tương tác với bạn học và tự điều chỉnh việc sử dụng ngôn ngữ của mình thông qua trải nghiệm thực tế.

Ngoài ra, phương pháp giao tiếp không tách rời các yếu tố ngôn ngữ như ngữ pháp, từ vựng hay phát âm, mà tích hợp chúng trong quá trình sử dụng ngôn ngữ. Điều này giúp người học phát triển đồng thời nhiều thành tố của năng lực giao tiếp, bao gồm: năng lực ngữ pháp, năng lực xã hội – ngôn ngữ, năng lực diễn ngôn và năng lực chiến lược.

Tóm lại, phương pháp giao tiếp là một hướng tiếp cận hiện đại trong giảng dạy ngoại ngữ, lấy việc sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp thực tế làm trung tâm, nhằm giúp người học phát triển toàn diện năng lực giao tiếp. Đây được xem là phương pháp phù hợp với xu hướng đào tạo hiện nay, đặc biệt trong bối cảnh giáo dục nghề nghiệp, nơi yêu cầu người học phải có khả năng sử dụng ngoại ngữ phục vụ trực tiếp cho công việc và cuộc sống.

2.2. Nội dung vận dụng phương pháp giao tiếp trong giảng dạy khẩu ngữ

Việc vận dụng phương pháp giao tiếp được triển khai thông qua hệ thống hoạt động học tập mang tính tương tác cao, lấy người học làm trung

tâm và gắn với tình huống thực tế. Các hoạt động được thiết kế theo nguyên tắc tăng dần mức độ giao tiếp, từ luyện tập có kiểm soát đến giao tiếp tự do.

2.2.1. Hoạt động hỏi – đáp theo cặp (Pair work)

Mục đích sư phạm: Hoạt động hỏi – đáp theo cặp nhằm: Tăng thời lượng nói của mỗi sinh viên; Giảm áp lực tâm lý khi nói trước lớp; Hình thành phản xạ ngôn ngữ cơ bản

Trong lớp học truyền thống, thời gian nói của sinh viên thường hạn chế do giáo viên chiếm phần lớn thời lượng. Việc tổ chức luyện tập theo cặp giúp nhân đôi số lượt thực hành, đảm bảo tất cả sinh viên đều tham gia giao tiếp.

Cách tổ chức

Giáo viên cung cấp mẫu hội thoại: 你叫什么名字?

我叫.....

Sau đó sinh viên thực hành theo cặp, thay đổi thông tin cá nhân để tạo tính giao tiếp thực sự. Giáo viên di chuyển quan sát, sửa lỗi phát âm và ngữ điệu.

Hoạt động này giúp sinh viên: Tăng khả năng phản xạ câu hỏi – trả lời; Cải thiện phát âm thanh điệu; Hình thành sự tự tin ban đầu khi nói tiếng Trung

Đây là bước khởi động quan trọng trước khi chuyển sang các hoạt động giao tiếp phức tạp hơn.

2.2.2. Hoạt động đóng vai theo tình huống (Role-play)

Đóng vai giúp sinh viên sử dụng ngôn ngữ trong ngữ cảnh gần với thực tế nghề nghiệp, từ đó phát triển năng lực giao tiếp mang tính chức năng.

Các tình huống được lựa chọn phù hợp với trình độ HSK1 và nhu cầu thực tiễn tại Lào Cai như: Chào hỏi khách du lịch; Giới thiệu bản thân; Mua bán hàng hóa; Hỏi đường

Sinh viên làm việc theo nhóm, phân vai và xây dựng hội thoại dựa trên mẫu câu đã học.

Hoạt động đóng vai: Tăng tính chân thực trong sử dụng ngôn ngữ; Phát triển kỹ năng giao tiếp liên tục (không đọc chép); Khuyến khích sáng tạo và hợp tác

Ngoài ra, hoạt động này còn giúp sinh viên hình dung được việc sử dụng tiếng Trung trong môi trường nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp.

2.2.3. Trò chơi ngôn ngữ (Language games)

Trò chơi ngôn ngữ được sử dụng nhằm: Tạo động lực học tập; Giảm căng thẳng trong giờ học khẩu ngữ; Tăng khả năng ghi nhớ từ vựng

Theo lý thuyết tâm lý học giáo dục, yếu tố cảm

xúc tích cực có tác động lớn đến hiệu quả tiếp thu ngôn ngữ. Trò chơi giúp tạo môi trường học tập thoải mái, từ đó tăng khả năng tham gia của sinh viên.

Một số hình thức áp dụng

Bingo từ vựng: Sinh viên nghe giáo viên đọc từ và đánh dấu vào bảng. Hoạt động này giúp luyện kỹ năng nghe – nhận diện âm.

Đoán tranh nói câu: Sinh viên nhìn tranh và nói câu mô tả bằng tiếng Trung, qua đó luyện phản xạ nói.

Nói nhanh theo thẻ từ: Sinh viên bốc thẻ từ và đặt câu ngay lập tức, giúp tăng tốc độ xử lý ngôn ngữ.

Trò chơi giúp: Tăng số lượt phát biểu tự nhiên; Củng cố từ vựng trong ngữ cảnh; Tạo môi trường giao tiếp mang tính cạnh tranh tích cực

2.2.4. Sử dụng video hội thoại (Video-based speaking tasks)

Việc sử dụng video hội thoại nhằm mở rộng môi trường giao tiếp ra ngoài lớp học, đồng thời tạo điều kiện cho sinh viên tự đánh giá và điều chỉnh phát âm.

Sinh viên làm việc theo nhóm, xây dựng hội

Tiêu chí	Trước (%)	Sau (%)
Tự tin khi nói	32	78
Phát âm đúng thanh điệu	45	72
Chủ động giao tiếp	28	69
Hứng thú học tập	40	85

Ngoài ra, quan sát lớp học cho thấy sinh viên tích cực tham gia hoạt động nhóm, số lượt phát biểu tăng và thời gian sử dụng tiếng Trung trong lớp nhiều hơn.

2.4. Thảo luận

Việc áp dụng phương pháp giao tiếp đã tạo môi trường học tập tích cực, giúp sinh viên sử dụng tiếng Trung trong các tình huống thực tế. Tuy nhiên, vẫn tồn tại một số khó khăn như sĩ số lớp đông, trình độ không đồng đều và thời lượng học hạn chế.

Để khắc phục, giảng viên cần chia nhóm nhỏ, giao nhiệm vụ rõ ràng và kết hợp công nghệ như video, học liệu số để hỗ trợ luyện nói ngoài giờ học.

2.5. Kiến nghị

Đối với chương trình đào tạo

Cần tăng cường thời lượng thực hành khẩu ngữ trong các học phần tiếng Trung cơ bản, chuyển từ mô hình dạy học thiên về ngữ pháp sang mô hình phát triển năng lực giao tiếp. Nội dung giảng

thoại ngắn (30–60 giây) theo chủ đề đã học và quay video bằng điện thoại. Sau đó, video được trình chiếu trên lớp để nhận xét.

Hoạt động này mang lại nhiều lợi ích: Luyện phát âm và ngữ điệu; Tăng sự tự tin khi nói trước người khác; Phát triển kỹ năng làm việc nhóm; Tạo sản phẩm học tập cụ thể

Ngoài ra, việc xem lại video giúp sinh viên nhận ra lỗi phát âm và tự điều chỉnh, góp phần nâng cao năng lực tự học.

2.2.5. Đánh giá tổng hợp các hoạt động giao tiếp

Các hoạt động trên được thiết kế theo tiến trình: luyện tập có kiểm soát → giao tiếp theo tình huống → giao tiếp sáng tạo

Sự kết hợp này giúp sinh viên từng bước hình thành năng lực giao tiếp, từ mức độ tái hiện đến mức độ sử dụng ngôn ngữ một cách linh hoạt.

Kết quả quan sát cho thấy: Tần suất sử dụng tiếng Trung của sinh viên trong giờ học tăng rõ rệt; Sinh viên chủ động tham gia hoạt động; Không khí lớp học trở nên sôi nổi và tích cực hơn

2.3. Kết quả nghiên cứu

Kết quả khảo sát cho thấy sự cải thiện rõ rệt:

dạy nên được thiết kế theo hướng chức năng ngôn ngữ, gắn với các tình huống nghề nghiệp cụ thể như giao tiếp trong du lịch, thương mại và dịch vụ biên giới.

Bên cạnh đó, cần xây dựng học phần khẩu ngữ chuyên biệt cho sinh viên hệ Cao đẳng, trong đó chú trọng các kỹ năng giao tiếp thực hành, thay vì tích hợp rời rạc trong các học phần tổng hợp.

Đối với phương pháp giảng dạy

Giảng viên cần tiếp tục đổi mới phương pháp theo hướng: Tăng cường hoạt động cặp và nhóm; Thiết kế nhiệm vụ giao tiếp theo tình huống thực tế; Khuyến khích sinh viên sử dụng tiếng Trung trong lớp học

Đồng thời, cần xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá kỹ năng khẩu ngữ dựa trên các thành tố như: phát âm, độ lưu loát, khả năng tương tác và mức độ hoàn thành nhiệm vụ giao tiếp, thay vì chỉ đánh giá qua bài kiểm tra viết.

Đối với việc ứng dụng công nghệ

Cần đẩy mạnh việc sử dụng công nghệ trong giảng dạy khẩu ngữ như: Video hội thoại; Học liệu số; Nền tảng luyện phát âm

Việc xây dựng kho video hội thoại theo chủ đề nghề nghiệp tại địa phương sẽ giúp sinh viên có thêm môi trường luyện tập ngoài lớp học và góp phần chuẩn hóa phát âm.

Đối với môi trường học tập

Nhà trường cần tổ chức các hoạt động ngoại khóa như câu lạc bộ tiếng Trung, ngày hội giao lưu ngôn ngữ hoặc mô phỏng môi trường giao tiếp nghề nghiệp. Đây là yếu tố quan trọng giúp sinh viên có cơ hội sử dụng tiếng Trung trong bối cảnh thực tế, từ đó củng cố kiến thức đã học trên lớp.

Ngoài ra, việc kết nối với doanh nghiệp, khu du lịch và đơn vị kinh doanh tại khu vực cửa khẩu sẽ tạo điều kiện cho sinh viên thực hành giao tiếp trong môi trường nghề nghiệp thực tế.

III. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy việc vận dụng phương pháp giao tiếp trong giảng dạy khẩu ngữ tiếng Trung cho sinh viên năm thứ nhất tại Trường Cao đẳng Lào Cai đã mang lại những chuyển biến tích cực trên nhiều phương diện.

Thứ nhất, phương pháp giao tiếp góp phần thay đổi vai trò của người học từ vị trí tiếp nhận thụ động sang chủ thể tích cực trong quá trình học tập. Sinh viên không chỉ lặp lại mẫu câu mà đã bước đầu sử dụng ngôn ngữ để thực hiện chức năng giao tiếp trong các tình huống cụ thể. Điều này

phù hợp với mục tiêu phát triển năng lực giao tiếp theo định hướng đào tạo nghề.

Thứ hai, các hoạt động giao tiếp được thiết kế theo tiến trình từ có kiểm soát đến giao tiếp sáng tạo đã giúp sinh viên hình thành phản xạ ngôn ngữ một cách tự nhiên. Sự cải thiện về độ lưu loát, khả năng phát âm thanh điệu và mức độ tự tin khi nói cho thấy phương pháp giao tiếp có hiệu quả rõ rệt trong việc phát triển kỹ năng khẩu ngữ ở trình độ sơ cấp.

Thứ ba, môi trường học tập mang tính tương tác đã góp phần giảm bớt tâm lý sợ sai, ngại nói – vốn là rào cản phổ biến đối với người học tiếng Trung. Sinh viên tham gia tích cực hơn vào các hoạt động nhóm, chủ động sử dụng tiếng Trung trong lớp học và có xu hướng duy trì việc luyện nói ngoài giờ học thông qua các nhiệm vụ quay video.

Thứ tư, việc lồng ghép các tình huống giao tiếp gắn với thực tiễn địa phương như giao tiếp với khách du lịch, mua bán hàng hóa, hỏi đường đã giúp nội dung học tập trở nên thiết thực, phù hợp với định hướng đào tạo nguồn nhân lực phục vụ thương mại biên giới và du lịch tại Lào Cai.

Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra một số hạn chế như thời gian thực nghiệm còn ngắn, sĩ số lớp đông và trình độ sinh viên không đồng đều. Do đó, cần có những điều chỉnh về tổ chức lớp học và chương trình đào tạo để phát huy hiệu quả của phương pháp giao tiếp trong dài hạn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Văn Huệ (2015). *Phương pháp giảng dạy tiếng Trung Quốc*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Lê Huy Khoa (2012). *Giáo trình phương pháp giảng dạy tiếng Trung Quốc*. NXB Đại học Sư phạm.
- Trần Thị Thanh Liêm (2018). *Dạy học khẩu ngữ tiếng Trung theo hướng giao tiếp cho sinh viên Việt Nam*. *Tạp chí Ngôn ngữ & Đời sống*.
- 刘珣 (Liu Xun) (2007). *对外汉语教育学引论*. 北京语言大学出版社.
- Lưu Tuấn (2007) *Dẫn luận về dạy tiếng Trung cho người nước ngoài*. NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh.
- 赵金铭 (Zhao Jinming) (2004). *对外汉语教学概论*. 商务印书馆.
- Triệu Kim Minh (2004) *Khái luận phương pháp dạy tiếng Trung cho người nước ngoài*. NXB Thương Mại.
- 王建勤 (Wang Jianqin) (2008). *对外汉语课堂教学技巧*. 北京语言大学出版社.
- Vương Kiến Căn (2008) *Kỹ thuật tổ chức hoạt động giao tiếp trong lớp học*. NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh
- 李泉 (Li Quan) (2013). *对外汉语口语教学研究*. 商务印书馆.
- Lý Tuyền (2013) *Nghiên cứu chuyên sâu về dạy khẩu ngữ tiếng Trung*. NXB Thương Mại.